[**Ngày 16/02/2012 Cổ phiếu DNM của Tổng CTCP Y tế DANAMECO chính thức giao dịch**](http://danameco.com/vn-vi/11-55-107-233/co-dong/tin-tuc-co-dong/ngay-16022012-co-phieu-dnm-cua-tong-ctcp-y-te-danameco-chinh-thuc-giao-dich.html)

Ngày 16/02/2011 cổ phiếu DNM của Tổng CTCP Y tế DANAMECO chính thức được giao dịch trên Sở GDCK Hà Nội với khối lượng niêm yết 2.411.510 cổ phiếu.

Tổng CTCP Y tế DANAMECO được thành lập từ Trạm vật tư y tế Quảng Nam Đà Nẵng của Sở y tế Quảng Nam Đà Nẵng thành lập từ năm 1976. Đến năm 1986 đổi tên thành Công ty thiết bị vật tư Y tế Quảng Nam Đà Nẵng, chuyên sản xuất các sản phẩm cơ khí như giường, tủ, bàn sinh… cung cấp cho các bệnh viên trong tỉnh.

Năm 1997 Công ty là thành viên của Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam lấy tên là Công ty Thiết bị Y tế TW 3 Đà Nẵng. Tháng 10/2004, Công ty đổi tên thành Tổng CTCP Y tế DANAMECO và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ tháng 7/2005. Hiện nay, với số vốn điều lệ 24.115.100.00 đồng, trong đó cổ đông tổ chức nắm giữ 41,05%, cổ đông cá nhân nắm giữ chiếm 58,95% vốn cổ phần.

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh thuốc, thiết bị vật tư y tế Bông băng gạc y tế, các sản phẩm dùng một lần trong phẫu thuật, các sản phẩm cấp cứu chấn thương thiên tai thảm họa. Kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, dụng cụ thiết bị y tế, sinh phẩm y tế, hóa chất xét nghiệm, hóa chất chống dịch, hóa chất công nghiệp, dụng cụ thiết bị khoa học kỹ thuật, xe cứu thương và các thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Ngoài ra, Công ty còn tư vấn sửa chữa, bảo trì thiết bị, dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng labo xét nghiệm, phòng mổ, X quang, kinh doanh hóa chất, dịch vụ tẩy trùng và xử lý môi trường.

Giai đoạn 2008-2009 là giai đoạn khó khăn của nền kinh tế do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, đa số các doanh nghiệp đều hoạt đọng không có hiệu quả, nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa, thu hẹp quy mô. Với lợi thế là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực y tế, cung cấp thiết bị y tế, hóa chất, sản phẩm y tế và các dịch vụ về y tế nên công ty không bị ảnh hưởng nhiều bởi suy thoái kinh tế do vậy, hoạt động kinh doanh của Danameco vẫn được duy trì và mở rộng.

Năm 2007 doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của Công ty lần lượt là 110,23 tỷ đồng và 18,017 tỷ đồng. Bước sang năm 2008, doanh thu thuần có giảm đi khoảng 10% nhưng lợi nhuận gộp lại đạt được cao hơn năm 2007 nên vẫn đảm bảo hoạt động và có lãi. Năm 2009, nền kinh tế trên đà hồi phục nên hoạt động kinh doanh của Danameco cũng có bước tăng trưởng rất tốt.

Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp năm 2009 lần lượt là 58% và 76% so với năm 2008. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận cũng được duy trì vững qua các năm, trong đó, mảng doanh thu lớn nhất là bán hàng hóa, tiếp đến là doanh thu bán hàng thành phẩm, doanh thu cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng không đáng kể. Về cơ cấu lợi nhuận gộp, lợi nhuận mảng bán hàng hóa chiếm 21-26%, còn lại là lợi nhuận cung cấp dịch vụ. Điều này cho thấy các sản phẩm công ty sản xuất ra có mức giá vốn thấp so với thị trường, đảm bảo được khả năng cạnh tranh với mức lợi nhuận biên cao.

Định hướng của Công ty trong những năm tới: Tiếp tục giữ vững và phát triển mở rộng mảng hoạt động dựa trên cơ sở những kết quả bước đầu đã đạt được. Đầu tư thêm máy móc tại Xí nghiệp sản xuất bông gạc và vật tư y tế Hòa Cường, đầu tư dây truyền sản xuất khẩu trang y tế các loại cung cấp cho thị trường Nhật Bản, đẩy mạnh hướng xuất khẩu các sản phẩm khẩu trang, găng tay và bông gạc ra thị trường Quốc tế. Tiếp tục đầu tư và đổi mới công nghệ hợp lý hóa trong sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng xuất lao động đẩy nhanh sản lượng sản xuất cho các sản phẩm chủ lực, đảm bảo tốc độ tăng trưởng chung đặc biệt là lợi nhuận liên hoàn hàng năm 25-30%.

Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty trong những năm qua và kế hoạch cho năm tới (ĐVT: Tỷ đồng):

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Năm 2008 | Năm 2009 | Kế hoạch 2010 | Kế hoạch2011 | Kế hoạch 2012 |
| Doanh thu thuần | 96,99 | 153,43 | 181 | 210 | 245 |
| Lợi nhuận sau thuế | 2,35 | 9,10 | 10,62 | 15,25 | 18,75 |
| LNST/DTT | 2,11% | 5,18% | 5,87% | 7,26% | 7.65% |
| LNST/VCSH (%) | 6,5% | 18,91% | 19,4% | 20,6% | 22,1% |
| Tỷ lệ cổ tức | 15% | 20% | 20% | 20% | 20% |